CHƯƠNG 3: VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

PHẦN 1: BIẾT

Câu 1. Đâu không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật (VPPL)?

A. VPPL là hành vi trái pháp luật

B. VPPL là hành vi gây thiệt hại cho xã hội

C. VPPL là hành vi có lỗi

D. VPPL là hành vi có thể không bị pháp luật trừng trị

Câu 2. Mặt khách quan của VPPL gồm những yếu tố nào?

A. Hành vi vi phạm pháp luật

B. Hậu quả của hành vi VPPL

C. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi VPPL và hậu quả của hành vi

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 3. Khách thể của VPPL là:

A. Mọi quan hệ xã hội

B. Các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ

C. Các quan hệ đạo đức

D. Các quan hệ chính trị

Câu 4. Đây là loại lỗi nào: Chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả gây thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra và mong muốn điều đó xảy ra.

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cầu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin.

Câu 5. Đây là loại lỗi nào: chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra tuy không mong muốn nhưng để điều đó xảy ra.

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cầu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

Câu 6. Đây là loại lỗi nào: chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra nhưng tin tưởng rằng điều đó không xảy ra

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cẩu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

Câu 7. Đây là loại lỗi nào: chủ thể vi phạm do khinh suất mà không nhận thấy trước hậu quả gây thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra mặc dù có thể nhận thấy và cần phải nhận thấy trước

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cầu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

Câu 8. Loại vi phạm pháp luật nào gây nguy hiểm cho xã hội nhất?

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

Câu 9. Chế tài có các loại nào?

A. Chế tài hình sự và chế tài hành chính

B. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự

C. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài ký luật

D. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài hành chính, chế tài bắt buộc

Câu 10. Dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật là?

A. Là hành vi trái pháp luật

B. Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

C. Vi phạm pháp luật phải có lỗi

D. Tất cả đáp án

Câu 11. Thế nào là người có năng lực trách nhiệm pháp lý ?

A. Là người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển hành vi của mình

B. Là người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức

C. Là người tự quyết định cách xử sự của mình và độc lập chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện

D. Là người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của pháp luật

Câu 12. Những hành vi được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của vi phạm pháp luật được gọi là?

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

Câu 13. Những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ gọi là?

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

PHẦN 2: HIỂU

Câu 1. Khẳng định nào sau đây về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý là đúng?

A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

B. Không phải mọi hành vi vi phạm đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều có thể miễn truy cứu trách nhiệm pháp lý

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 2. Hình thức trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 3. Nhà nước đưa ra trách nhiệm pháp lý là nhằm?

A. Phạt tiền người vi phạm

B. Buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi trái pháp luật, phải chịu những thiệt hại nhất định; giáo dục răn đe những người khác

C. Lập lại trật tự xã hội

D. Ngăn chặn người vi phạm có thể có vi phạm mới

Câu 4. Người bị bệnh tâm thần có hành vi trái pháp luật có được xem là vi phạm pháp luật không?

A. Có

B. Không

C. Tùy từng trường hợp

D. Tất cả các đáp án đều sai

Câu 5. Hành vi vi phạm các quy tắc, quy chế được xác lập trong một tổ chức, cơ quan, đơn vị là?

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm dân sự

C. Vi phạm kỷ luật

D. Vi phạm hình sự

Câu 6. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm kì luật?

A. Cướp giật dây chuyền, túi xách người đi đường

B. Chặt cành, tỉa cây mà không đặt biển báo

C. Vay tiền dây dưa không trả

D. Xây nhà trái phép

Câu 7. Lỗi, động cơ, mục đích thuộc về thành phần nào của vi phạm pháp luật?

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

Câu 8. Trạng thái tâm lý của chủ thể vi phạm pháp luật đối với hành vi vì phạm pháp luật của mình và hậu quả của hành vi đó gây ra được gọi là?

A. Mục đích vi phạm

B. Động cơ vi phạm

C. Lỗi của chủ thể

D. Tất cả các đáp án

PHẦN 3: VẬN DỤNG

Câu 1. Đây là loại vi phạm pháp luật nào: A buôn bán, tàng trữ trái phép chất ma túy?

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

Câu 2. Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Ông H đổ rác thải không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường?

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

Câu 3. Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Chị M vay tiền của anh L nhưng đến hạn, mặc dù nhiều lần anh L yêu cầu nhưng chị M vẫn chưa trả khoản tiền vay đó?

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

Câu 4. Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Chị N nhiều lần đi làm muộn ảnh hưởng đến tiến độ chung của công ty?

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

Câu 5. Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: X bị tòa tuyên phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi gây rối trật tự công cộng.

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 6. Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: M bị tòa án buộc công khai xin lỗi và bồi thường 15 triệu đồng cho N vì M đã có hành vi xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của N

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 7. Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Sinh viên A điều khiển xe gắn máy nhưng không đội mũ bảo hiểm nên đã bị cảnh sát giao thông xử phạt 400 nghìn đồng.

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 8. Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Sinh viên B bị nhà trường buộc dừng học 1 kỳ vì hành vi gian lận trong thi cử

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 9. Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Nhân viên lái xe T bị cơ quan chủ quản buộc phải bồi thường 10 triệu đồng tiền sửa chữa xe của cơ quan đã giao cho T để đi giao hàng vì T bất cần làm hỏng xe khi làm việc

A. Trách nhiệm dân sự

B. Trách nhiệm vật chất

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 10. Xác định loại vi phạm pháp luật trong trường hợp sau: Do mâu thuẫn trong làm ăn, ông A đã bỏ thuốc sâu xuống ao cá của nhà ông B làm chết hết cá trong ao.

A. Vi phạm hình sự

B. Vi phạm dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật

Câu 11. Ông Nam vận chuyển gia cầm bị bệnh, cơ quan có thẩm quyền buộc ông Nam phải tiêu hủy hết số gia cầm này. Đây là biện pháp chế tài?

A. Hình sự

B. Dân sự

C. Hành chính

D. Kỷ luật

Câu 12. Ông A vận chuyển trái phép 100gam heroin từ Lào về Việt Nam. Ông bị kết án 9 năm tù giam. Hành vi vi phạm pháp luật của ông A là:

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

Câu 13. Ông A đang có vợ (đăng ký kết hôn hợp pháp) nhưng ông A chung sống như vợ chồng với bà B. Ông bà bị xử phạt 1000.000 đồng vì hành vi vi phạm:

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

Câu 14. Ông A ký hợp đồng vận chuyển bằng đường sông 500 bao gạo của ông B từ Hậu Giang về Cần Thơ. Trên đường vận chuyển thì bất ngờ xảy ra cơn gió lốc làm thuyền của ông A bị lật, 500 bao gạo bị hư hỏng. Vậy ông A:

A. Phải chịu trách nhiệm pháp lý vì không hoàn thành nghĩa vụ

B. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý vì sự kiện bất khả kháng

C. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý vì tình thế cấp thiết

D. Phải chịu trách nhiệm pháp lý do nguyên tắc suy đoán lỗi

Câu 15. Ông A chở mẹ đi cấp cứu. Vì đường kẹt xe nên ông rẽ vào đường cấm. Hành vi của ông A là hành vi?

A. Hành vi của ông A là hành vi vi phạm pháp luật

B. Ông A phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Hành vi của ông A là hành vi trái pháp luật

D. Trường hợp trên là tình thế cấp thiết

Câu 16. Một học sinh lớp 11 (16 tuổi) chạy xe gắn máy trên 50cc ra đường chơi (có đội mũ bảo hiểm), được xem là?

A. Không vi phạm pháp luật vì thực hiện quyền tự do đi lại

B. Vi phạm pháp luật vì chưa có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý

C. Không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình

D. Không vi phạm vì có đội mũ bảo hiểm theo quy định

Câu 17. Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm môi trường nặng. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là?

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C.Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

Câu 18. Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết, thì?

A. Vi phạm pháp luật dân sự

B. Phải chịu trách nhiệm hình sự

C. Vi phạm pháp luật hành chính

D. Bị xử phạt hành chính

Câu 19. Người có hành vi trộm cắp phải chịu trách nhiệm pháp lý hay trách nhiệm đạo đức?

A. Cả trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức

B. Chỉ chịu trách nhiệm đạo đức nếu trộm cắp tài sản có giá trị nhỏ

C. Không phải chịu trách nhiệm nào cả

D. Trách nhiệm pháp lý

Câu 20. Ông B đi vào đường ngược chiều, chưa gây tai nạn cho ai nhưng bị cảnh sát giao thông xử phạt. Việc xử phạt đó nhằm mục đích gì ?

A. Ngăn chặn không để gây tai nạn cho chính ông B

B. Chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật (đi ngược chiều)

C. Ngăn chặn không để gây tai nạn cho người khác

D. Tất cả đáp án

CHƯƠNG 4. LUẬT HIẾN PHÁP

PHẦN 1: BIẾT

Câu 1. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp, là những quan hệ xã hội?

A. Liên quan đến nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước

B. Liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân thực hiện quyền lực nhà nước

C. Liên quan đến việc xác định mối quan hệ giữa nhà nước và công dân

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 2. Đối tượng điều chỉnh của luật Hiến pháp là?

A. Mọi quan hệ xã hội

B. Các quan hệ xã hội liên quan đến quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân

C. Các quan hệ xã hội trong lĩnh vực kinh tế

D. Các quan hệ xã hội giữa nhà nước và công dân

Câu 3. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp?

A. Phương pháp thỏa thuận

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp quyền uy

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 4. Hiến pháp 2013 có kết cấu gồm:

A. 12 Chương, 120 Điều

B. 11 Chương, 120 Điều

C. 12 Chương, 147 Điều

D. 11 Chương, 147 Điều

Câu 5. Theo Hiến pháp 2013, nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng:

A. Dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác

B. Thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp bằng bầu cử, bỏ phiếu kin

C. Thông qua Quốc hội, hội đồng nhân dân

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 6. Hiến pháp 2013 quy định như thế nào về chính sách đối ngoại?

A. Chính sánh đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

B. Chính sánh đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, hội phập

C. Chính sánh đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển và hội nhập

D. Chính sánh đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hữu nghị, hợp tác, hội nhập và phát triển

Câu 7. Đâu là đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp?

A. Các quan hệ xã hội liên quan đến nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước

B. Các quan hệ xã hội liên quan đến quan hệ lao động

C. Các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội

D. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

Câu 8. Phương pháp điều chính của ngành Luật Hiến pháp:

A. Phương pháp cẩm

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cho phép

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 9. Vị trí của Chương: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013?

A. Chương 2

B. Chương 3

C. Chương 4

D. Chương 5

Câu 10: Hiến pháp 2013 được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

A. 1/1/2014

B. 28/11/2013

C. 28/11/2014

D. 2/9/2013

Câu 11. Vị trí của Chương: “Chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường” trong Hiến pháp 2013:

A. Chương 2

B. Chương 3

C. Chương 4

D. Chương 5

Câu 12. Các thành phần kinh tế được quy định trong Hiến pháp 2013 là:

A. Nhiều thành phần kinh tế, trong đó thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo

B. Kinh tế Nhà nước, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

C. Kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước

D. Kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kính tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 13. Luật Hiến pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến:

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Chế độ chính trị; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; Các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; Bảo vệ tổ quốc

D. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước

Câu 14. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 là bản hiến pháp của thời kỳ hội nhập, đổi mới và phát triển. Bản Hiến pháp này chính thức có hiệu lực vào thời gian nào?

A. 1/1/2013

B. 28/11/2013

C. 1/1/2014

D. 28/11/2014

Câu 15. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài - Tiến quân ca.

B. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Đoàn vệ quốc quân.

C. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Đất nước.

D. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Lên ngàn

PHẦN 2: HIỂU

Câu 1. Theo Hiến pháp 2013: Phương tiện để nhân dân giao quyền, ủy quyền quyền lực Nhà nước là:

A. Thực hành quyền lập hiến

B. Thực hành quyền lập pháp

C. Thực hành quyền tư pháp

D. Thực hành quyền hành pháp

Câu 2. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Bảo vệ lợi ích, bảo vệ quyền con người sau mới bảo vệ lợi ích Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa Bạn đã gửi

B. Bảo vệ lợi ích Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa sau mới bảo vệ lợi ích, bảo vệ quyền con người

C. Bảo vệ lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động

D. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa

Câu 3. Điều luật: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật." nằm trong chế định nào của Hiến pháp 2013?

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

D. Bảo vệ tổ quốc

Câu 4. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là SAI?

A. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế độc lập, tự chủ

B. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế hội nhập, hợp tác quốc tế

C. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế phụ thuộc

D. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế phát huy nội lực

Câu 5. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là ĐÚNG NHẤT?

A. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện

B. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác

C. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua quốc hội và hội đồng nhân dân

D. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua dân chủ đại nghị

Câu 6. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là ĐÚNG NHẤT?

A. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ

B. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là hòa bình, hữu nghị, hợp tác

C. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

D. Cả A và C

Câu 7. Quyền kết hôn thuộc nhóm quyền nào trong chế định "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân"

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa – xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

Câu 8. Quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức lấy ý kiến của nhân dân thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa – xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

Câu 9. Quyền khiếu nại, tố cáo thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa – xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

Câu 10. Quyền lao động thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa – xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

Câu 11. Quyền được bảo hộ về tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa – xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

Câu 12. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa – xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

Câu 13. Quyền bầu cử, quyền ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa – xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

Câu 14. Quyền tự do kinh doanh thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa – xã hội

C. Nhóm quyền tự do cá nhân

D. Nhóm quyền tự do dân chủ

Câu 15. “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”, điều này nằm trong chế định nào của luật Hiến pháp?

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Bảo vệ tổ quốc

D. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Câu 16. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là ĐÚNG?

A. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trong và ngoài đất nước Việt Nam

B. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của người Việt Nam trong và ngoài nước

C. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của dân tộc Kinh sinh sống trên đất nước Việt Nam

D. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam

Câu 17. Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là SAI?

A. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị

B. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đều bị nghiêm trị

C. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị

D. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Tùy từng hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sẽ được xem xét theo quy định

Câu 18. Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG NHẤT theo Hiến pháp 2013?

A. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến

B. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc

C. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

D. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

PHẦN 3: VẬN DỤNG

Câu 1. Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.” Điều 47 Hiến pháp 2013?

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấm

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 2. Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”?

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấmD

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 3. Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật"?

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấm

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 4. Khoản 3 điều 30: "Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.” của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp cấm

C. Phương pháp bắt buộc

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 5. Khoản 1 điều 32: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác." của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cho phép

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 6. Khoản 2, điều 45: “Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.” của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp cho phép

C. Phương pháp bắt buộc

D. Cả A, B và C

Câu 7. Khoản 2, điều 2 trong Hiến pháp 2013: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Bạn đã gửi Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.” xác định đối tượng điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Quan hệ liên quan đến nguồn gốc quyền lực nhà nước

B. Quan hệ liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền lực nhà nước

C. Quan hệ giữa Nhà nước và công dân

D. Quan hệ trong việc xác định cơ sở kinh tế

Câu 8. "Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”, điều này thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Phương pháp cẩm

B. Phương pháp cho phép

C. Phương pháp bắt buộc

D. Phương pháp cho phép và phương pháp bắt buộc

Câu 9. “Đại biểu quốc hội có quyền chất vấn chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, thủ tướng chính phủ...", điều luật này thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp cho phép

C. Phương pháp bắt buộc

D. Phương pháp cấm và phương pháp bắt buộc